

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2018/DS-ST

Ngày: 21/9/2018

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Ngọc Diệu

Bà Phạm Thị Thu Trang

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Yến Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Vào ngày 21 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 58/2018/TLST- DS ngày 07 tháng 3 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2018/QĐXX-ST ngày 24 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần T.

Địa chỉ: tòa nhà X, đường Y, Phường Đ, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, sinh năm 1968 – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Văn D1, sinh năm 1993 - Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ (Theo văn bản ủy quyền ngày 20/9/2018).

Địa chỉ: tầng 2, đường P, Phường 7, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

** Bị đơn:* Ông Lê Hùng C, sinh năm: 1974 (vắng mặt).

Bà Trương Thị Thanh N, sinh năm: 1977 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/02/2018, bản tự khai ngày 09/8/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phan Văn D trình bày:

Ngày 23/5/2016, Ngân hàng Thương mại Cổ phần T – Chi nhánh L ký hợp đồng tín dụng số 7102861/LAN/HĐTD cho ông Lê Hùng C và bà Trương Thị Thanh N vay số tiền 322.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn: thanh toán tiền mua xe tải THACO OLLIN 700C.

Thời hạn vay: 72 tháng

Lãi suất cho vay: 12,5%/năm

Ngày giải ngân: 23/5/2016

Ngày đến hạn: 23/5/2022

Tài sản đảm bảo nợ vay: quyền sử dụng/sở hữu xe ô tô tải có mui, 03 chỗ ngồi, nhãn hiệu FOTON, số loại THACO, biển số 71C – 044.62 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 004480 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh E cấp ngày 19/5/2016, theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 7102861/LAN/HĐTCSP ký ngày 23/5/2016 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần T – Chi nhánh L, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông C và bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần T và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Tạm tính đến ngày 29/01/2018, ông C và bà N còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần T tổng số tiền là 375.944.703 đồng, trong đó nợ gốc là 308.584.000 đồng, nợ lãi: 67.360.703 đồng.

Ngân hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần T khởi kiện yêu cầu ông C và bà N có trách nhiệm trả cho ngân hàng tổng số tiền là 375.944.703 đồng, trong đó nợ gốc là 308.584.000 đồng, nợ lãi: 67.360.703 đồng.

Ông C và bà N tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 30/01/2018 cho đến khi ông C và bà N trả xong nợ.

Tạm tính đến ngày 13/7/2018, ông C và bà N còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần T tổng số tiền là 429.763.651 đồng, trong đó nợ gốc là 308.584.000 đồng, nợ lãi: 121.179.651 đồng. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông C và bà N trả số tiền 437.116.951 đồng, trong đó nợ gốc là 308.584.000 đồng, nợ lãi là 128.532.951 đồng.

Trường hợp, ông C và bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần T có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi các tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho ngân hàng VPBank, tài sản là: xe ô tô tải có mui, 03 chỗ ngồi, nhãn hiệu FOTON, số loại THACO, biển số 71C – 044.62 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 004480 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bến Tre cấp ngày 19/5/2016, theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 7102861/LAN/HĐTCSP ký ngày 23/5/2016 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần T.

Nếu giá trị tài sản bảo đảm phát mãi không đủ thanh toán nợ thì ông C và bà N tiếp tục có nghĩa vụ trả cho ngân hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần T cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Tại phiên tòa, ông Lê Hùng C và bà Trương Thị Thanh N mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C và bà N theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngày 07/3/2018 Ngân hàng Thương mại Cổ phần T khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bến Tre yêu cầu ông C và bà N trả cho Ngân hàng số tiền vay là 375.944.703 đồng, trong đó nợ gốc là 308.584.000 đồng, nợ lãi: 67.360.703 đồng. Tạm tính đến ngày 21/9/2018, Ngân hàng Thương mại Cổ phần T yêu cầu ông C và bà N trả cho ngân hàng tổng số tiền là 437.116.951 đồng, trong đó nợ gốc là 308.584.000 đồng, nợ lãi: 128.532.951 đồng.

Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T, vụ án có quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại Điều 463 của Bộ Luật Dân sự năm 2015. Vụ kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, Bến Tre theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông C và bà N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vắng mặt. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C và bà N.

[2]. Về nội dung: Vào ngày 23/5/2016, Ngân hàng Thương mại Cổ phần T ký hợp đồng tín dụng số 7102861/LAN/HĐTD cho ông Lê Hùng C và bà Trương Thị Thanh N vay số tiền 322.000.000 đồng. Quá trình vay tiền, ông C và bà N đã thực hiện trả nợ được một phần cho Ngân hàng số tiền 13.353.000 đồng nợ gốc và nợ lãi là 10.904.332 đồng. Từ ngày 23/8/2016 đến nay ông C và bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần T như hợp đồng đã ký kết. Do đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần T khởi kiện yêu cầu ông C và bà N trả cho ngân hàng tổng số tiền là 437.116.951 đồng, trong đó nợ gốc là 308.584.000 đồng, nợ lãi: 128.532.951 đồng. Hai bên đã làm hợp đồng vay về hình thức và nội dung đúng theo quy định của pháp luật nên ông C và bà N phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T. Hơn nữa, tại thời điểm ký kết hợp đồng vay tiền với Ngân hàng Thương mại Cổ phần T, hôn nhân của ông C và bà N vẫn còn tồn tại. Do đó, việc Ngân hàng Thương mại Cổ phần T khởi kiện yêu cầu ông C và bà N liên đới trả số tiền nêu trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T là có cơ sở.

Mặt khác, trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông C và bà N vắng mặt (mặc dù ông C và bà N biết việc Ngân hàng Thương mại Cổ phần T khởi kiện ông bà) và không có ý kiến trước yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T nên ông C và bà N phải chịu trách nhiệm do việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để buộc ông C và bà N phải liên đới trả cho Ngân hàng T tổng số tiền là 437.116.951 đồng, trong đó nợ gốc là 308.584.000 đồng, nợ lãi: 128.532.951 đồng.

[3]. Về án phí: Do Ngân hàng T được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên ông C và bà N phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền 437.116.951 đồng là: 20.000.000 đồng + (4% x 37.116.951 đồng) = 21.484.678 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T về việc yêu cầu ông Lê Hùng C và bà Trương Thị Thanh N trả số tiền đã vay theo hợp đồng tín dụng số 7102861/LAN/HĐTD ngày 23/5/2016.

[2]. Buộc ông Lê Hùng C và bà Trương Thị Thanh N có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T số tiền 437.116.951 đồng (bốn trăm ba mươi bảy triệu một trăm mười sáu nghìn chín trăm năm mươi một đồng) trong đó nợ gốc là 308.584.000 đồng (ba trăm lẻ tám triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn đồng), nợ lãi: 128.532.951 đồng (một trăm hai mươi tám triệu năm trăm ba mươi hai nghìn chín trăm năm mươi một đồng).

Kể từ ngày 22/9/2018, ông Lê Hùng C và bà Trương Thị Thanh N còn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T số tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 7102861/LAN/HĐTD và khế ước nhận nợ số 01/7102861/LAN/HĐTD đã ký cùng ngày 23/5/2016 giữa ông C và bà N với Ngân hàng T cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc. Trường hợp Ngân hàng Thương mại Cổ phần T có điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T thì lãi suất mà ông C và bà N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất cho vay.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, khi có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Hùng C và bà Trương Thị Thanh N không trả tiền thì Ngân hàng Thương mại cổ phần T có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 7102861/LAN/HĐTCSP ngày 23/5/2016 đã ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần T - Chi nhánh L với ông Lê Hùng C và bà Trương Thị Thanh N để thu hồi toàn bộ số nợ.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Lê Hùng C và bà Trương Thị Thanh N phải liên đới nộp là 21.484.678 đồng (hai mươi một triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn sáu trăm bảy mươi tám đồng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.398.000 đồng (chín triệu ba trăm chín mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0015290 ngày 07/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bến Tre.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 02 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện D;
- Thi hành án dân sự huyện D;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Nga